

Bản án số 06/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 05.02.2021.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thu Trà và ông Trần Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa : bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2020/TLST- HNGĐ ngày 09/11/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện K, Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trần Bảo T, sinh ngày 17/12/2014; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn K là bố mẹ đẻ (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn là chị Trần Thị T thể hiện:

Chị và anh Trần Văn K, kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/02/2015 tại UBND xã Đ. Sau khi chị và anh K về chung sống đã cùng nhau làm ăn tại thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra khúc mắc. Bên cạnh đó thì anh K không quan tâm gì đến vợ, con để mặc cho chị một mình nuôi con. Anh K đi làm có tiền nhưng thường dùng vào việc uống rượu, những lúc say rượu anh K thường xuyên có những hành động không chuẩn mực như chửi mắng và đánh chị. Chị nhiều lần khuyên bảo anh K từ bỏ uống rượu để cùng chị chăm sóc con cái nhưng anh K không nghe. Do trong suốt một thời gian dài luôn phải chịu cảnh anh K say rượu, đồng thời không làm tròn trách nhiệm với gia đình, do đó cuối năm 2018, chị đã sống ly thân với anh K. Trong thời gian sống ly thân thì anh K cũng không thể hiện ý muốn và nguyện vọng để tiếp tục chung sống cùng với chị. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để sớm được ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: chị và anh K có 01 con chung là cháu Trần Bảo T, sinh ngày 07/12/2014, hiện nay cháu T đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn, chị xin nhận nuôi dưỡng cháu Trâm đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh K nhưng K không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của anh K.

Người làm chứng là bà Lê Thị D (mẹ đẻ của anh K) trình bày: Bà đã nhận được các văn bản của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh K do Tòa án tổng đạt cho anh K, bà nhận thay và đã thông báo về thời gian làm việc cũng như nội dung làm việc với Tòa án cho anh K, tuy nhiên do anh K bận công việc làm ăn nên đã không đến Tòa án để làm việc. Quá trình bà D làm việc với Tòa án, đã cung cấp về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K như chị T trình bày là đúng. Bà đã trao đổi và nói chuyện với anh K để anh K cho biết quan điểm về tình cảm vợ chồng với chị T thì anh K cũng có ý kiến không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên anh K cũng nhất trí ly hôn với chị T. Về con chung: anh K nhất trí để chị T chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bảo Trâm đến tuổi thành niên và anh K không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Trần Thị T vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt chị; chị vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung đơn khởi kiện.

Bị đơn anh Trần Văn K vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chấp hành chưa đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Trần Văn K. Về con chung: giao cháu Trần Bảo T, sinh ngày 07/12/2014 cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: không đặt ra xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn K có nơi cư trú tại thôn Đức Quang, xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Kim Động vào ngày 08/02/2015. Chị T và anh K sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau từ cuối tháng 12/2018 đến nay, hai người không còn trách nhiệm, tình cảm gì với nhau. Đến nay chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị T đã xin ly hôn anh K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo anh K đến Tòa án để làm việc nhưng anh K không đến. Việc anh K không đến Tòa án là gây khó khăn và kéo dài thời gian việc giải quyết vụ án. Do vậy, đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xử cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp với quy định của Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Trần Bảo T, sinh ngày 07/12/2014, hiện nay cháu Trần Bảo T đang ở với chị T. Chị T xin được nuôi dưỡng cháu Trần Bảo T đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Trần Bảo T còn nhỏ, đang ở ổn định với chị T nên tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Trần Bảo T đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi nào anh K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật, Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Khi nào anh K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản theo quy định của pháp luật, Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và o các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Bảo T, sinh ngày 07/12/2014, cho đến khi cháu Trần Bảo T thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001913 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản sao bản án án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh